

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 137 /2021/DS – ST

Ngày: 30-9-2021

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TP BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Khương và ông Nguyễn Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Diệu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Ông Y Lương Byă – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 467/2020/TLST-DS ngày 07/10/2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 192/2021/QĐXX-DS ngày 11/8/2021; Thông báo dời lịch xét xử số 69/TB-TA ngày 26/8/2021 V/v dời lịch xét xử; Thông báo thời gian, địa điểm mở phiên tòa số: 49/2021/TB-DS ngày 13/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2021/QĐHPT ngày 15/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Quang H, sinh năm: 1960 bà Trương Thị Đ, sinh năm: 1963 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 128 đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Lê Thị Ánh H và ông Hoàng A (Đều vắng mặt)

Địa chỉ: 443/11 đường Q, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn ông Phạm Quang H trình bày:

Do có quan hệ quen biết với nhau nên vợ chồng ông H, bà Đ có cho vợ chồng ông Hoàng A, bà Lê Thị Ánh H vay số tiền 85.000.000đ cụ thể:

-Ngày 05/3/2017 cho vay 5.000.000đ.

- Ngày 11/3/2017 cho vay 45.000.000đ

- Ngày 29/3/2017 cho vay 15.000.000đ
- Ngày 31/3/2017 cho vay 15.000.000đ
- Ngày 25/6/2017 cho vay 5.000.000đ.

Mỗi lần vay vợ chồng ông A, bà H đều viết giấy mượn tiền cho vợ chồng ông H, thỏa thuận thời gian trả là một tháng và có thỏa thuận trả lãi nhưng từ khi vay vợ chồng ông A, bà H chưa trả cho vợ chồng ông H khoản tiền nào cả gốc và lãi.

Khi vay vợ chồng bà H ông A có giao cho vợ chồng ông H một số giấy tờ để làm tin cụ thể: Một bản gốc giấy chứng minh nhân dân của ông Hoàng A (đến ngày 17/11/2017 bà H đã mượn lại chứng minh nhân dân nêu trên); 01 Sổ hộ khẩu số 160449732 chủ hộ là Hoàng A;

Số tiền trên là tiền chung của vợ chồng ông H cho hai vợ chồng ông A, bà H vay nhưng vì tin tưởng nhau nên mặc dù cả hai vợ chồng đến vay nhưng có lần cả hai vợ chồng ký vay, có khi chỉ một mình bà H ký giấy vay cho vợ chồng ông H.

Mặc dù quá hạn đã lâu, vợ chồng ông H đã nhiều lần liên lạc yêu cầu vợ chồng ông A, bà H trả lại vợ chồng ông H số tiền đã vay và lãi suất nhưng vợ chồng bà H, ông A cố tình lẩn tránh nên vợ chồng ông H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông A, bà H trả cho vợ chồng ông H 85.000.000đ (tám mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và lãi suất theo mức 1% / tháng kể từ ngày vay.

Sau khi vợ chồng ông A, bà H trả cho vợ chồng ông H số tiền trên vợ chồng ông H sẽ trả lại cho ông A, bà H sổ hộ khẩu mà ông H đang giữ. Còn những giấy tờ như giấy đăng ký xe san, giấy nhận tiền xe, giấy đo lường như trong giấy mượn tiền đề ngày 11/3/2017 bà H có ghi giao cho vợ chồng ông H nhưng thực tế không giao những giấy tờ trên cho vợ chồng ông.

Bị đơn vợ chồng ông A, bà H đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc vợ chồng ông A, bà H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Đinh Thị Đ số tiền nợ gốc là 85.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông A, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Vợ chồng ông A, bà H phải chịu án phí DSST theo quy định. Vợ chồng ông H bà Đ không phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn vợ chồng ông Phạm Quang H bà Đinh Thị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hoàng A, bà Lê Thị Ánh H vắng mặt là lần thứ hai, do đó Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ số tiền 85.000.000đ nợ gốc và tiền lãi theo mức 1%/tháng kể từ ngày vay và cung cấp tài liệu chứng cứ là các giấy vay tiền

- Ngày 05/3/2017 cho vay 5.000.000đ.
- Ngày 11/3/2017 cho vay 45.000.000đ
- Ngày 29/3/2017 cho vay 15.000.000đ
- Ngày 31/3/2017 cho vay 15.000.000đ
- Ngày 25/6/2017 cho vay 5.000.000đ.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn bà H và ông A đã được tổng đạt hợp lệ nhưng cố tình lẩn tránh không tham gia tố tụng nên không tiến hành lấy lời khai được, nguyên đơn ông Phạm Quang H có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết của bị đơn. Tại kết luận giám định số: 71/KLGĐ-PC09 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định chữ ký, chữ viết mang tên bà Lê Thị Ánh H và ông Hoàng A trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của bà H ông A trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký và viết ra, do đó đã

có cơ sở xác định ông A bà H có vay của vợ chồng ông H bà Đ số tiền 85.000.000đ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở cần chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn ông H, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông A bà H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông bà số tiền lãi 1% từ ngày vay là phù hợp quy định tại Điều 468 BLDS cần chấp nhận, cụ thể thời gian tính lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2021:

- Ngày 05/3/2017 vay 5.000.000đ x 1%/ tháng x 55 tháng 20 ngày = 2.783.000đ
- Ngày 11/3/2017 vay 45.000.000đ x 1%/ tháng x 55 tháng 14 ngày = 24.960.000đ
- Ngày 29/3/2017 vay 15.000.000đ x 1%/ tháng x 54 tháng 26 ngày = 8.230.000đ
- Ngày 31/3/2017 vay 15.000.000đ x 1%/ tháng x 54 tháng 24 ngày = 8.220.000đ
- Ngày 25/6/2017 vay 5.000.000đ x 1%/ tháng x 51 tháng 28 ngày = 2.596.000đ

Tổng cộng tiền lãi tính hết ngày 30/9/2021: 46.789.000đ(Bốn mươi sáu triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn đồng)

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ số tiền nợ gốc là 85.000.000đồng và tiền lãi là 46.789.000đ, tổng cộng: 131.789.000đ (Một trăm ba mươi một triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ trả lại bị đơn 01 sổ hộ khẩu số 160449732 họ và tên chủ hộ: Hoàng A, sau khi vợ chồng ông A, bà H trả hết số nợ trên cho vợ chồng ông H, bà Đ.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: 131.789.000đồng x 5% = 6.589.000đồng (đã làm tròn)

Vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí DSST được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A phải chịu 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. Vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ không phải chịu lệ phí giám định được nhận lại 4.860.000đ tạm ứng lệ phí đã nộp và đã chi xong sau khi thu được của vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 159; Điều 161; Điều 220; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ.

Buộc vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ số tiền nợ gốc là 85.000.000đồng và tiền lãi là 46.789.000đ, tổng cộng: 131.789.000đ (Một trăm ba mươi một triệu, bảy trăm tám mươi chín ngàn đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ có nghĩa vụ trả lại vợ chồng ông Hoàng A, bà Lê Thị Ánh H 01 sổ hộ khẩu số 160449732 họ và tên chủ hộ: Hoàng A, sau khi vợ chồng ông A, bà H trả hết số nợ trên cho vợ chồng ông H, bà Đ.

-Về án phí: Vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A phải chịu: 6.589.000đồng (Sáu triệu, năm trăm tám chín ngàn đồng) án phí DSST

Vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ không phải chịu án phí DSST, được nhận lại 2.125.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0012748 ngày 26/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A phải chịu 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng) lệ phí giám định chữ ký, chữ viết. Vợ chồng ông Phạm Quang H, bà Trương Thị Đ không phải chịu lệ phí giám định được nhận lại 4.860.000đ tạm ứng lệ phí đã nộp và đã chi xong sau khi thu được của vợ chồng bà Lê Thị Ánh H, ông Hoàng A.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

